

Biểu mẫu 09

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TRUNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung An, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học: 2021-2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn ấp Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, Hội Thạnh xã Trung An - Đủ 11 tuổi (sinh năm 2010, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành hưởng trình Tiểu học). - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn ấp Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, Hội Thạnh xã Trung An - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn ấp Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, Hội Thạnh xã Trung An - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn ấp Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, Hội Thạnh xã Trung An - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 58 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực	Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thời gian học 35 tuần, 1 tuần nghỉ cuối HKI, 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần kết thúc năm học. Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDDT. - Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện, và Kỹ năng sống.			

	hiện				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định số 7243/QĐ-UB ngày 06 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Huyện Củ Chi, hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học. Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 11 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên. Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT. - Có 01 phòng tin học với 25 máy tính. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, ánh sáng, quạt thoáng mát.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: Học sinh có học lực khá, giỏi: Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đạt từ 95% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) Duy trì sĩ số 97%	Đạt từ 95% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) Duy trì sĩ số 97%	Đạt từ 95% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) Duy trì sĩ số 97%	100% được công nhận TN THCS. Duy trì sĩ số 97%


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 TRUNG AN
 HUYỆN CỦ CHI
 TP. HỒ CHÍ MINH

Đào Công Văn

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TRUNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung An, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông
năm học: 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	20	5	5	5	4
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		91.35	96.6	89.95	98.81
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		8.65	3.4	10.05	1.19
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		28.65	35.92	28.04	27.38
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		36.22	35.44	39.68	44.05
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		27.57	27.18	25.4	28.57
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		7.57	1.46	6.35	0
5	Kém		0	0	0.53	0

	(tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		92.43	98.54%	93.12 %	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		28.65	35.92	28.04	27.38
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		36.22	35.44	39.68	44.05
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		7.57	1.46	6.35	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0.53	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	12				12
2	Cấp tỉnh/thành phố					0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình					

	(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ					
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0



Dào Công Văn

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRUNG AN
(7)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TRUNG AN

Biểu mẫu 11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung An, ngày 05 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất nhà trường
năm học: 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học		-
8	Bình quân học sinh/lớp		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		11336m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		3516 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	3	144 m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1	48 m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	180 m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	200 m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	2	96 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		53

1.2	Khối lớp 7		51
1.3	Khối lớp 8		68
1.4	Khối lớp 9		32
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	3	
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	1	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	22	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	1	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không	Không	Không
XIII	Khu nội trú	Không	Không	Không

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Đạt chuẩn

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

HIỆU TRƯỞNG



Đào Công Văn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung An, ngày 5 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học: 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47										39			
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	39			38							37	3		
1	Toán	6			6										
2	Lý	3			3										
3	Hóa	1			1										
4	Âm nhạc	0													
5	Mỹ thuật	1			1										
6	Tin học	2			2										
7	Anh văn	3			3										
8	Ngữ văn	5		1	4										
9	Sử	2			2										
10	Địa	4			3	1									
11	Sinh	3			3										
12	GDCD	1			1										
13	CN	1			1										
14	.NN	3			2										
15	TD	3			3										
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1											1		

2	Phó hiệu trưởng	1											1		
III Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1													
2	Nhân viên kế toán	1													
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1													
5	Nhân viên thư viện	1													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên tạp vụ	1													

HIỆU TRƯỞNG



Dào Công Văn